

Số: 117/QĐ-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 28 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**
Gói thầu: Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 sửa đổi lần thứ XII, ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CPNT2 ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-CPNT2 ngày 30/6/2021 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-CPNT2 ngày 10/02/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc tạm giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-CPNT2 ngày 24/03/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV”;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 133/TTr-CPNT2 ngày 24/03/2022 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV”,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV” với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các Phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TCKT; P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.TCHC.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV”.



GIÁM ĐỐC

Ngô Đức Nhân

TỜ TRÌNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**
Gói thầu: **Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV**

Kính gửi: Ông Ngô Đức Nhân – Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-CPNT2 ngày 30/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-CPNT2 ngày 10/02/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc tạm giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Đề xuất số 42/TTr-CPNT2 ngày 14/02/2022 của các phòng chức năng về việc phê duyệt phạm vi công việc gói thầu mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV;
- Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-CPNT2 ngày 23/03/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV”.

II. Nội dung xin phê duyệt

Các Phòng chức năng kính trình Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt nội dung Yêu cầu báo giá gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV” với nội dung cơ bản như sau:

Chương I: Yêu cầu nộp báo giá

Chương II: Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Chương III: Biểu mẫu

Chương IV: Dự thảo hợp đồng

(Nội dung chi tiết như đính kèm)



Các Phòng chức năng kính đề nghị Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt để có cơ sở triển khai công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Trân trọng./.


PHÒNG TCHC

P. PHÒNG TM-TTĐ

P. PHÒNG TCKT



Lê Minh Phúc

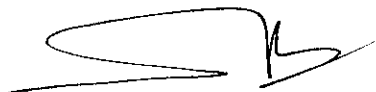


Nguyễn Quang Minh



Trịnh Quốc Thắng

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hà

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.TCHC.

Đính kèm:

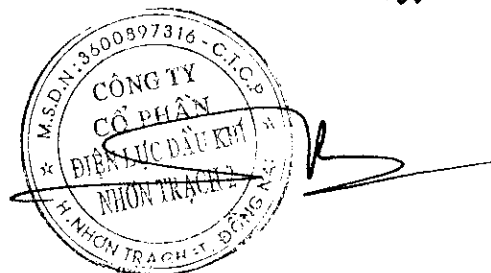
- Yêu cầu báo giá gói thầu “Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV”.



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV
Phát hành ngày : 28/03/2022.

M/M Bên mời thầu *RT*



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu Mua đồng phục văn phòng năm 2022 cho CBCNV. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Có bảo đảm dự thầu có giá trị 30.000.000 đồng và có hiệu lực 100 ngày. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc bằng Séc thì Bên mời thầu sẽ quản lý Séc đó theo quy định.

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá BBG của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).



Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự về hàng hóa mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (hoàn thành $\geq 80\%$ gói thầu) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong vòng 03 năm trở lại đây (tính đến thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị $\geq 1,3$ tỷ đồng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 04

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I.	Về phạm vi cung cấp		

Vol

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	<i>Theo đúng yêu cầu tại Mục II, Chương II – Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG</i>	<i>Không đúng yêu cầu tại Mục II, Chương II – Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG</i>
2	Phạm vi cung cấp	<i>Theo đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG</i>	<i>Không đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG</i>
II. Các cam kết			
1	Cam kết cung cấp tài liệu chứng minh chất liệu và đáp ứng đặc tính kỹ thuật tại YCBG	<i>Có cam kết đúng theo yêu cầu</i>	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu</i>
2	Cam kết quy cách đóng gói sản phẩm	<i>Theo đúng yêu cầu tại Phần III, Mục II – Quy cách đóng gói sản phẩm tại Chương II YCBG</i>	<i>Không đúng yêu cầu tại Phần III, Mục II – Quy cách đóng gói sản phẩm tại Chương II YCBG</i>
3	Cam kết đảm bảo toàn bộ sản phẩm hoàn thiện theo số đo kích thước của từng CBCNV, hoàn thiện theo yêu cầu cá nhân từng CBCNV.	<i>Có cam kết đúng theo yêu cầu</i>	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu</i>
III. Sản phẩm mẫu (bao gồm Hộp đóng gói sản phẩm)			
1	Có sản phẩm mẫu (bao gồm Hộp đóng gói sản phẩm) theo đặc tính kỹ thuật tại YCBG và quy định tại Phần IV – Mẫu kèm theo, Mục II, Chương II – Yêu cầu phạm vi cung cấp để bên mời thầu kiểm tra đánh giá. <i>(Sản phẩm mẫu được gửi đến địa chỉ của Bên mời thầu cùng hồ sơ báo giá, Trường hợp gửi sản phẩm mẫu đến</i>	<i>Có các sản phẩm mẫu theo đúng đặc tính kỹ thuật tại YCBG</i>	<i>Không có các sản phẩm mẫu hoặc sản phẩm mẫu nộp sau thời điểm hết hạn nộp BBG hoặc có sản phẩm mẫu nhưng không đúng đặc tính kỹ thuật tại YCBG</i>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	<i>sau thời điểm hết hạn nộp BBG sẽ không được xem xét)</i>		
IV. Chế độ Bảo hành, khắc phục sửa chữa			
1	- Thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 30 ngày (không giới hạn lần đổi). - Thời gian khắc phục sửa chữa ≤ 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu.	<i>Có cam kết đúng theo yêu cầu</i>	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu</i>
V. Tiến độ và địa điểm lấy số đo CBCNV, giao hàng			
1	- Địa điểm lấy số đo CBCNV, giao hàng tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ: Ấp 3 xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai hoặc đúng địa điểm yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. - Tiến độ giao hàng: theo biểu tiến độ cung cấp nêu tại chương II	<i>Theo đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG</i>	<i>Không đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG</i>

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ", " (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai

ML

lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
- 2) Thỏa thuận liên doanh theo Mẫu số 02 Chương III (nếu có);
- 3) Biểu giá, phạm vi cung cấp theo Mẫu 03a (bao gồm Mẫu 03a (1)) Chương III;
- 4) Biểu kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu số 04 Chương III;
- 5) Bản sao y chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;
- 6) Bản sao y chứng thực hợp đồng tương tự và các tài liệu liên quan;

- 7) Bản gốc Bảo đảm dự thầu;
- 8) Sản phẩm mẫu
- 9) Các chứng từ khác theo yêu cầu Bản Báo giá.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 70 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận BBG.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai không được muộn sau 14h00 ngày 05/04/2022. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<http://pvpnt2.vn>) của Công ty.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

W12

Chương II. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. PHẠM VI CUNG CẤP

TT	Nội dung	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Trang phục nam				
1.1	Áo sơ mi nam	Chi tiết theo nội dung tại Mục II, Chương II – Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG	Cái	141	Tài liệu chứng minh chất lượng
1.2	Quần âu nam		Cái	282	
1.3	Vest nam		Cái	141	
2	Trang phục nữ				
2.1	Áo sơ mi nữ	Chi tiết theo nội dung tại Mục II, Chương II – Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG	Cái	33	Tài liệu chứng minh chất lượng
2.2	Quần âu nữ		Cái	33	
2.3	Chân váy Juyp		Cái	33	
2.4	Vest nữ, khăn lụa (silk)		Cái	33	

- **Yêu cầu:** May đo theo kích thước của từng CBCNV
- **Thời gian thực hiện hợp đồng:** Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- **Địa điểm đo đồng phục, giao hàng:**
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Áp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- **Thời gian bảo hành:** 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu sản phẩm
- **Thời gian khắc phục sửa chữa:** 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu

II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

PHẦN I: QUY CÁCH CHUNG

- Toàn bộ sản phẩm cần được may đo chi tiết theo số đo cá nhân của từng CBCNV
- Hoàn thiện chi tiết thành phẩm theo yêu cầu cá nhân từng CBCNV
- Bảo hành 1 đổi 1 toàn bộ sản phẩm đối với từng CBCNV chưa hài lòng về số đo của sản phẩm, không giới hạn số lần làm lại cho đến bao giờ từng CBCNV cảm thấy hài lòng, thì hợp đồng mới được thanh lý
- Các quy cách tiêu chuẩn đồng phục được đề cập theo sau đây:

PHẦN II: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

1. Áo sơ mi:



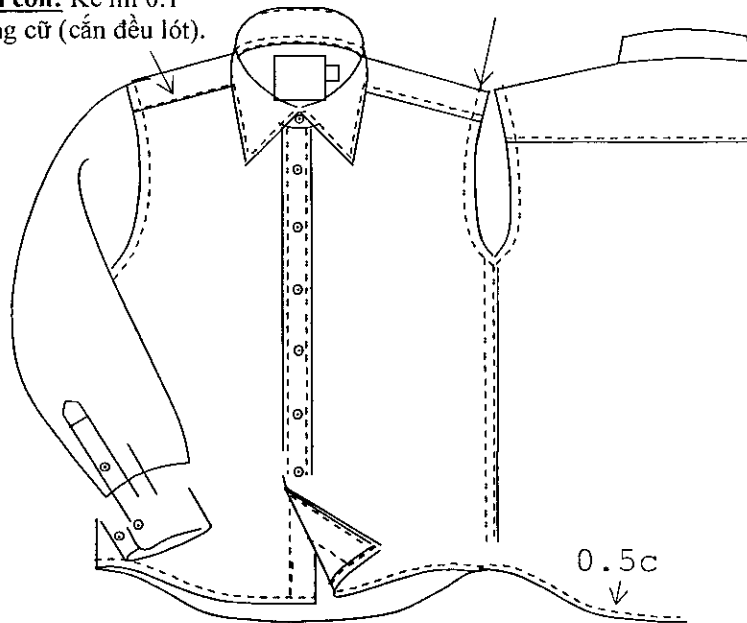
- Kiểu vải: màu trắng, dệt twill, 100% Supima Cotton, trọng lượng 135 gsm, chỉ số vải 152*107 CM100*CM50, hoàn tất bằng liquid ammonia và moisture cure đạt chống nhăn 3,5/4,0.
- Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ cutaway hidden, mở thẳng cài khuy.
- Cổ: Cổ cutaway, đầu lá cổ vuông và chân cổ nguyệt tròn, cài giấu khuy sau lá cổ.
- Thân trước: May trơn, thêu chữ logo NT2 trên măng sét trái.
- Thân sau: cầu vai bỏ, chiết eo 2 bên. Gấu: Gấu may cuộn 0.6cm
- Tay dài: bỏ thép tay, măng-séc 7cm, vuông cạnh, vát góc, thừa đính 2 khuyết – 2 khuy.
- Tay cộc: Cửa tay trơn, thêu chữ logo NT2 trên cửa tay trái.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

Handwritten mark

- Các đường may ráp sản phẩm có mật độ 13 mũi/inch. Đường máy viền chi tiết mật độ 15-18 mũi/inch
- Chỉ may nhãn trên đồng màu nhãn.
- Nhãn chính đặt chính giữa cầu vai lót, mép trên của cách chân cổ 2,5cm. May mí 2 cạnh cân đối giữa cầu vai lót. Nhãn cỡ ghim giữa cạnh phải nhãn chính.
- Dùng Mex 1 mặt, lá cổ và chân cổ có gia cố.
- Bóc tay quay lên mex.
- Cỡ đường dè tay là 0.8cm.
- Không ép bằng keo tan đường tra dè tay.

Vai con: Kê mí 0.1
bằng cũ (cẩn đều lót).

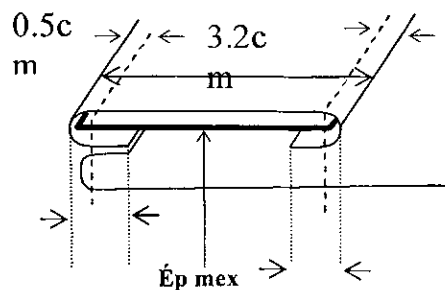


Cầu vai Chân cầu vai kê mí
Cầu vai một mảnh.

Thân trước

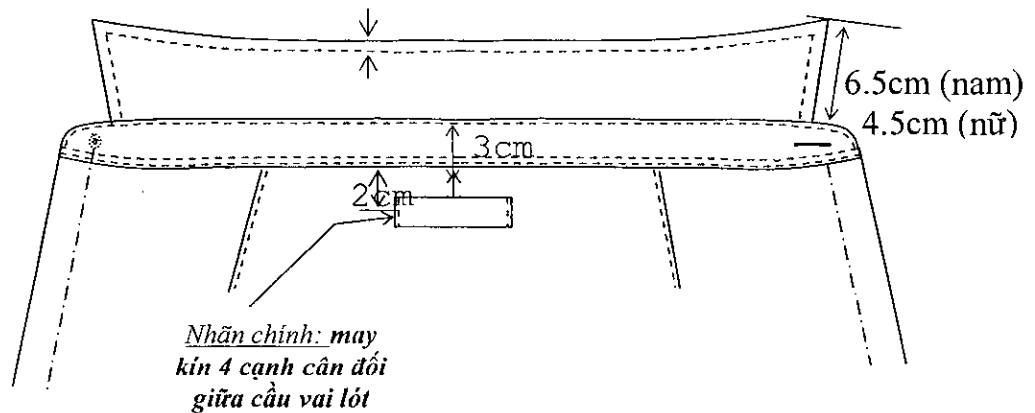
- Nẹp cúc gấp 2 lần 2cm, ép mex mỏng.

- Nẹp khuyết: nẹp tron bán 3.2cm, mí 0.5cm, có ép mex.



CỔ ÁO: cổ cutaway hidden

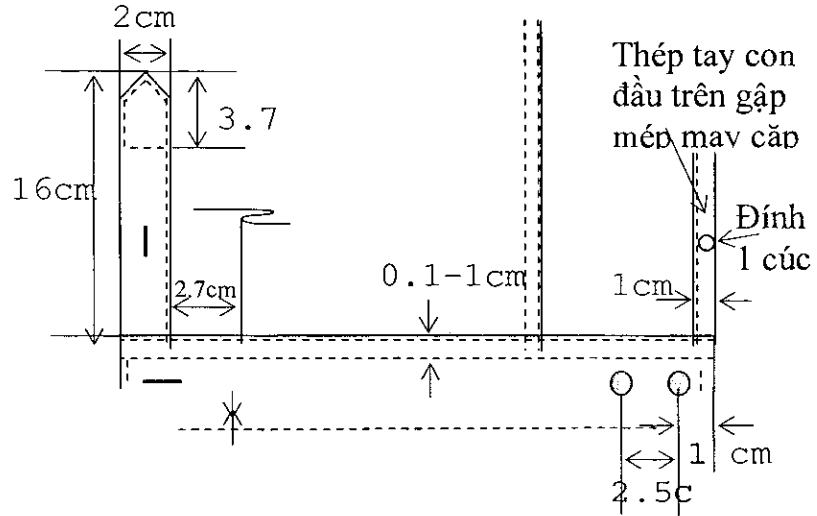
- CỔ ÁO NAM: CHÂN CỔ 3CM, LÁ CỔ 6.5CM
- CỔ ÁO NỮ: CHÂN CỔ 2.5CM, LÁ CỔ 4.5CM



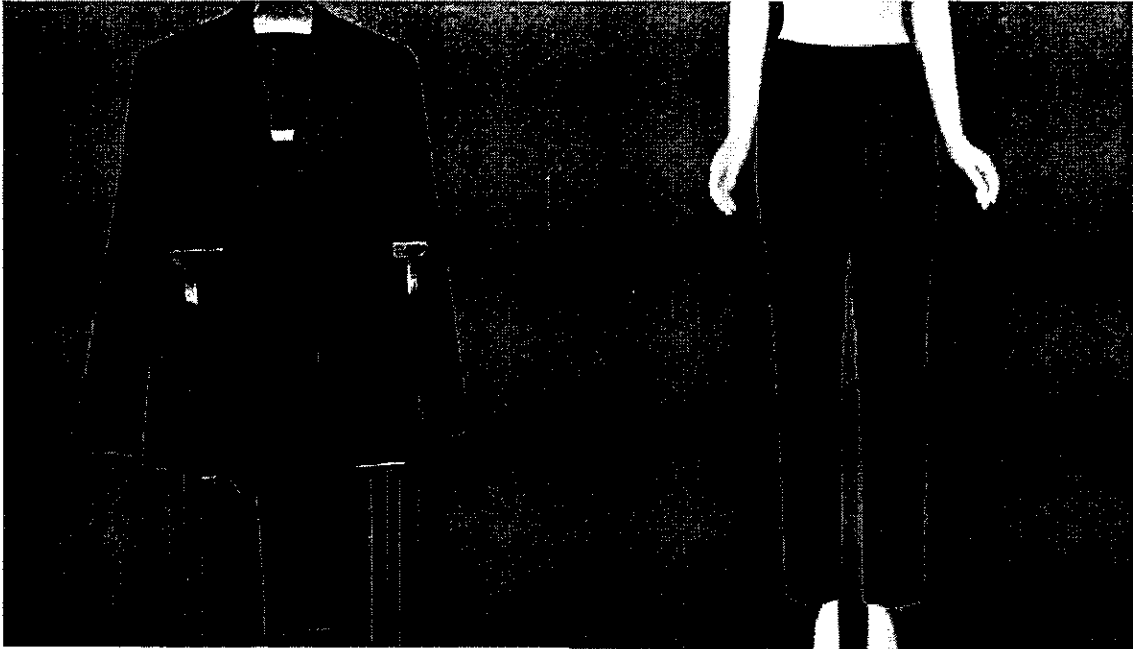
Handwritten signature or initials.

Msec: vát góc, 2 cúc dọc:
thừa 2 khuyết, đính 2 cúc.

Cao msec: 7cm



2. Quần âu:



- Kiểu vải cho quần: vải màu xanh tím than, chất liệu Tetron Rayon, trọng lượng 300gsm, chỉ số vải 112*88.
- Kiểu dáng nam: Quần ống đứng, có ly chết. Bàn cạp 4cm. Đầu cạp quai nhô nhọn, thừa đính 1 khuy. Cạp gắn 6 đĩa. Túi chéo, viền miệng túi 0,3cm. Thân sau bỏ coi hậu, thừa đính 1 khuy.
- Kiểu dáng nữ: Quần ống đứng, có ly chết. Bàn cạp 4cm. Đầu cạp quai nhô vòng, thừa đính 1 khuy. Cạp gắn 6 đĩa. Túi chéo, viền miệng túi 0,3cm.
- Số mũi chỉ của đường may bên ngoài phải đạt 6 mũi chỉ/cm và bên trong phải đạt 6 mũi chỉ/cm. Các đường may phải thẳng, đều, chạy một đường duy nhất không đè mũi chỉ.

- Đường dăng, dọc may cách mép 1cm, đường may cách cạp 0.6cm, đường may cửa quần cách 0.5cm
- Chỉ may nhãn đồng màu nhãn.- Khóa quần dài 13/18cm, tiếp màu quần

2.1 Cạp quần

- Bản cạp 4cm
- Hai bên cạp bản to, nhỏ, dài, ngắn đồng đều nhau. Đường nối cạp vào thân ăn form với nhau. Trên cạp may đều làn đường may êm, không nhãn dùm
- 6 đĩa phải đều và thẳng, luôn thắt lưng không bị vụn xoắn



2.2. Túi cạnh (chéo)

- Đắp túi, lót túi cần may theo làn đầu dọc thân quần
- Đường bọc chắc chắn, ôm sát vải lót, không tuột đường bọc

2.2. Cửa quần

- Độ dài cửa quần tùy vào thân hình khách hàng
- Cửa quần may phải thoát, êm, mỏng, không bị bai, không bị hằn
- Mọi khuy, đính cúc ăn lẫn với thân quần,

2.3. Gấu quần

- Gấu quần hai bên bằng nhau,
- Đường may đều làn
- Gấu đắp kicktape màu đen

2.4. Dăng, dọc và mỏng

- Đường may dọc, êm, phẳng, không cầm bai. Đường dàng từ đầu gối trở lên hơi bai, phía thân sau cho êm
- Đường giác mông phải may hai đường chỉ chồng khít lên nhau. Chỗ vòm mông phải may bai cho dẫn chỉ
- Ngã tư gằm đũng phải giao nhau cho cân đối.

2.5. Túi sau

- Viền góc túi cân đối, đường viền đanh, nổi đều, không bị bên to, bên nhỏ, căng, chùng. Nấp túi phải kín miệng, không bị vênh lệch.
- Miệng túi đều, hai bên túi phải song song với nhau, cân đối và kín miệng.

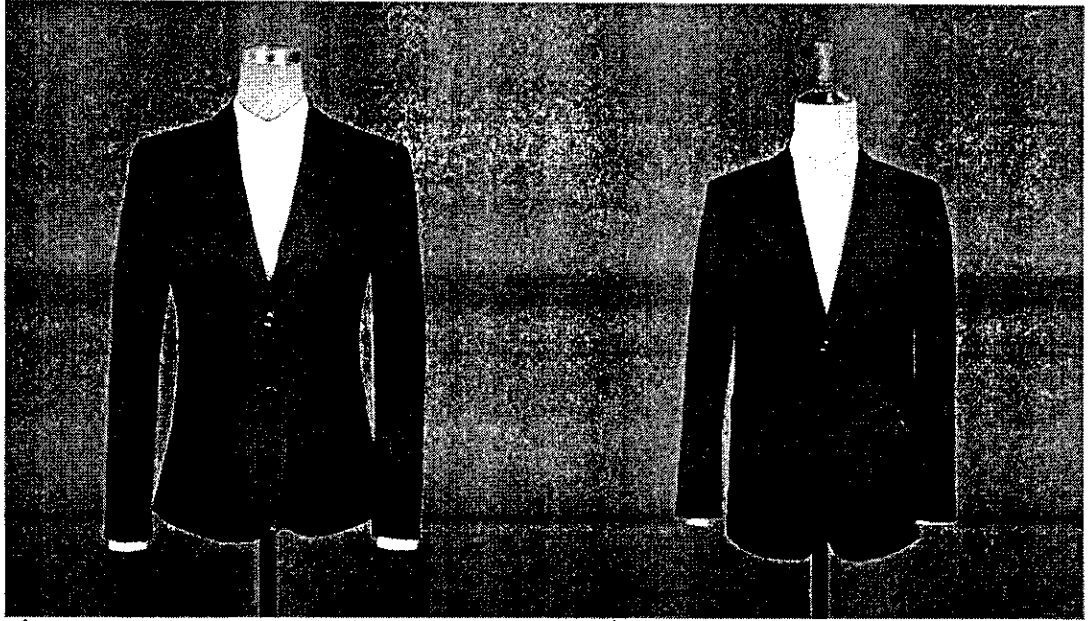
3. Juyp:



- Kiểu vải: vải màu xanh tím than, chất liệu Tetron Rayon, trọng lượng 300gsm, chỉ số vải 112*88.
- Kiểu dáng: Bàn cạp 4cm. Cạp tron. Túi hàm ếch, viền miệng túi 0,5cm. Độ dài qua kheo chân. Thân sau bỏ giữa từ 13-18cm tùy theo chiều cao.
- Số mũi chỉ của đường may bên ngoài phải đạt 6 mũi chỉ/cm và bên trong phải đạt 6 mũi chỉ/cm. Các đường may phải thẳng, đều, chạy một đường duy nhất không dè mũi chỉ
- Khóa kéo trên đường xẻ thân sau
- Váy có 2 lớp (lớp vải chính và vải lót)
- Hai túi hàm ếch 2 bên hông
- Thân sau bỏ giữa từ 13-18cm tùy theo chiều cao từng CBNV

nk

4. Áo Vest:



- Kiểu vải cho áo vest: vải màu xanh tím than, chất liệu Tetron Rayon trọng lượng 300gsm, chỉ số vải 112*88.
- Kiểu dáng: Dáng vest cổ điển, mở thẳng, cài khuy.
- Cổ: Cổ hai ve truyền thống, đột chỉ trang trí.
- Thân trước nam: Ngực trái bỏ một coi, may 2 chiết, bỏ hai coi túi dưới có nắp, sợi viền. Thửa khuyết đầu tròn, cài 2 khuy.
- Thân trước nữ: May 2 chiết, bỏ hai coi túi dưới có nắp, sợi viền. Thửa khuyết đầu tròn, cài 1 khuy.
- Thân sau nam: Bỏ sống lưng, mở xẻ sườn;
- Thân sau nữ: Bỏ sống lưng, mở xẻ giữa;
- Tay nam: Tra thẳng, mở xẻ, thửa đính 4 bộ khuy trang trí.
- Tay nữ: Tra thẳng, mở xẻ, thửa đính 3 bộ khuy trang trí.
- Các đường may có 4.7 mũi chỉ/1cm(đối với áo nam)
- Đối với áo nữ: Đường điều ngoài 3.2cm/1 mũi
- Đường cháp: 4 mũi chỉ/1cm
- Mật độ chỉ đột 0.4cm/1 mũi
- May ghim ken vai và gòn tay với vòng nách theo bấm
- Mác áo: may dưới miệng túi coi trong, cách mép 2cm. Máy chặn 4 viền.
- Thêu nhãn logo, vị trí thêu trong tà trái.



4.1. Cổ áo:

- May ghim chập họng cổ lằn với họng cổ lót.
- Cổ may xong êm phẳng, góc cổ êm theo mẫu, họng cổ cân đối.

4.2. Túi cơi ngực:

- Rộng 2cm, Dài thành phẩm: 10cm
- Ghim miệng túi cách 2 cạnh túi thành phẩm 2cm. Đáy túi may xung quanh.

4.3. Túi hai viên có nắp:

- Vị trí túi: Hai bên hông
- Dài cơi theo nắp túi
- Đột nắp túi

4.4. Vải lót:

- Lót thân dùng lót màu nâu/tối màu
- Lót tay kẻ, có đệm nách

4.5. Khuyết tay:

- Thừa 4 khuyết thường
- Khuyết dài 2.5cm
- Khuyết dưới cùng cách cửa tay thành phẩm 4cm
- Khoảng cách tâm các khuyết cách nhau 2cm

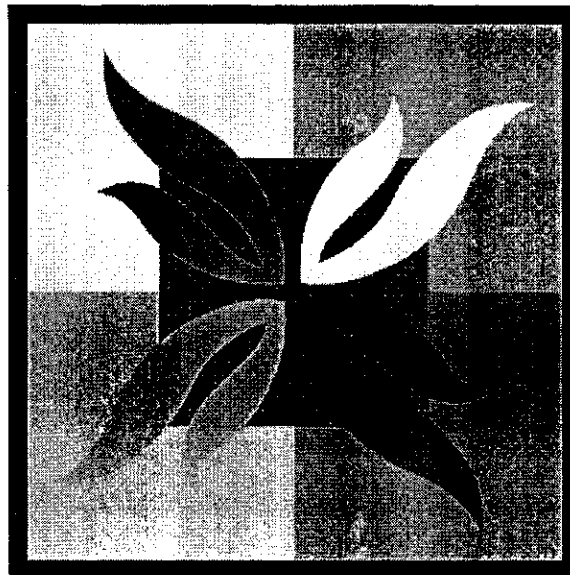
4.6. Xẻ sau:

- Đề êm xẻ, tà trong ngắn hơn tà ngoài 0.3cm. Khâu bằng kim tay chữ X

5. Khăn phụ kiện (*dành riêng cho nữ*):

Silk satin 14mm, kích thước 90*90 cm, in 2 mặt sắc nét và trùng khớp 100% thiết kế, cuốn viền tay, thiết kế cho Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2, thể hiện rõ được tính phù hợp với nội dung văn hoá doanh nghiệp, cũng như tinh thần lao động chăm chỉ, đoàn kết, tư duy đổi mới, sáng tạo luôn tồn tại trong đội ngũ lao động và lãnh đạo Công ty.

Thiết kế đáp ứng yêu cầu như sau:



PHẦN III: QUY CÁCH ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM

1. Hộp áo: Hộp màu trắng kích thước: nắp dưới: 24.1x34.6x5.2cm, nắp trên : 24.5x35x5.5cm In 1 màu 1 mặt trên nắp trên, bồi bì cứng 800g/m², mặt trong giấy off100, mặt ngoài bồi giấy couches 150 đã in, cán mờ mặt ngoài, bế, gấp thành hộp.

2. Hộp quần/Juyp: Hộp màu trắng kích thước: nắp dưới: 24.5x35x2.2cm, nắp trên : 24.5x35x2.5cm In 1 màu 1 mặt nắp trên, bồi bì cứng 800g/m², mặt trong giấy off 100, mặt ngoài bồi giấy couches 150 đã in, cán mờ mặt ngoài, bế, gấp thành hộp.

PHẦN IV: MẪU KÈM THEO

Khi chào thầu nhà thầu phải có mẫu vải và sản phẩm mẫu kèm theo, cụ thể:

1. Vải mẫu (5x5) cm: 01 tấm cho mỗi loại vải
2. Áo sơ mi nam: 01 áo;
3. Quần âu nam: 01 quần;
4. Vest nam: 01 áo;
5. Áo sơ mi nữ: 01 áo;
6. Quần âu nữ: 01 quần;
7. Chân váy Juyp: 01 chân váy;
8. Vest nữ kèm khăn lụa: 01 áo và 01 khăn.

*** Yêu cầu về sản phẩm mẫu :**

- Nhà thầu phải có sản phẩm mẫu theo đúng thiết kế, chủng loại đúng yêu cầu về kỹ thuật của các chi tiết theo yêu cầu báo giá để kiểm tra đánh giá thực tế của sản phẩm đúng yêu cầu chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nhà thầu phải gửi sản phẩm mẫu đến địa chỉ của Bên mời thầu cùng hồ sơ dự thầu, để làm cơ sở xét thầu và đối chiếu mẫu khi nghiệm thu bàn giao:

Địa chỉ nộp sản phẩm mẫu:

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Sau thời hạn trên nếu hồ sơ báo giá của Nhà thầu không có đầy đủ các sản phẩm mẫu sẽ được xem là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Nhà thầu không được nhận lại sản phẩm mẫu.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]
Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSM];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

Handwritten mark

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ BBG hoặc văn bản đề nghị rút BBG, sửa đổi, thay thế BBG;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1		(I1)
Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí: (I) = (I1) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BIỂU PHẠM VI CUNG CẤP, GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7	8
Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND/ĐVT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1							
Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							

– **Địa điểm đo đạc phục, giao hàng:**

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Áp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện công việc theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá BBG⁽²⁾.		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN A: Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là PVPower NT2)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

BÊN B: Nhà thầu (sau đây gọi là Nhà thầu)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

¹ Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

W

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

PVPower NT2 giao cho Nhà thầu thực hiện cung cấp hàng hóa theo yêu cầu cụ thể như Phụ lục 1 – Biểu giá và phạm vi cung cấp (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của PVPower NT2

- Cung cấp cho Nhà thầu các tài liệu của NME Nhơn Trạch 2 liên quan tới việc thực hiện hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Nhà thầu;
- Phối hợp với Nhà thầu xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Nhà thầu triển khai thực hiện các công việc phù hợp với các quy định của hợp đồng;
- Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa theo đề nghị của Nhà thầu;
- Cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Thực hiện các công việc theo đúng quy định của hợp đồng;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và chịu sự giám sát của PVPower NT2 trong quá trình thực hiện công việc;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các Điều khoản đã ghi trong hợp đồng;
- Cung cấp cho PVPower NT2 mọi thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của PVPower NT2.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

5.1 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

5.3 Điều kiện và tiến độ thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng.

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Số lần thanh toán 01 đợt.

5.4 Thời hạn thanh toán:

- Thanh toán đến 100% giá trị hàng hóa được giao. Thời gian thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ Hồ sơ thanh toán theo quy định;

5.5 Hồ sơ thanh toán, bao gồm:

Hồ sơ thanh toán cho 100% giá trị hợp đồng bao gồm:

- Một (01) Bản gốc Giấy đề nghị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo có giá trị bằng 3% giá hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao y chứng thực tài liệu chứng minh chất liệu hàng hóa;
- Một (01) Bản gốc Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 7: GIAO HÀNG VÀ NGHIỆM THU

7.1 Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A theo tiến độ quy định tại Khoản 6.3 hợp đồng này.

7.2 Thủ tục giao hàng:

- ❖ Thông báo giao hàng: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản (có đính kèm danh mục hàng hóa được giao) cho Bên A trước 03 ngày để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu;
- ❖ Biên bản bàn giao: Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng;
- ❖ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);

7.3 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

7.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí giao hàng/nghiệm thu do Bên B chịu.

Điều 8: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh bảo hành

- Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc đặt cọc bằng Séc với giá trị tương đương với 3% giá hợp đồng với thời hạn 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng và Bên B nộp bảo lãnh bảo hành cho toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và có hiệu lực 37 ngày kể từ ngày nghiệm thu đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Chứng thư bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Điều 9: SỬA ĐỔI BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1 Sửa đổi bổ sung:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh hoặc bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản kèm theo hợp đồng này.

9.2 Gia hạn hợp đồng:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện theo thời gian quy định tại hợp đồng này thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết đồng thời nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A phải trả lời Bên B bằng văn bản trong vòng 03 ngày. Việc Bên A đồng ý gia hạn hợp đồng sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

9.3 Chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn thêm như Khoản 9.2 Điều này.



W

- Khi Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Nếu Bên A không tìm được đơn vị cung cấp khác thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị trước thuế của hàng hóa không cung cấp được. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

Điều 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Quy định về bất khả kháng:

Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, hay những trường hợp tương tự mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

10.2 Thủ tục về bất khả kháng:

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 11: PHẠT DO VI PHẠM THỜI HẠN GIAO HÀNG

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 10, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày chậm giao hàng và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng trước thuế. Khi thời gian giao hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

Điều 12: PHẠT DO CHẬM NGHIỆM THU THANH TOÁN

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Bên A không tiến hành nghiệm thu hàng hóa của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa được giao trước thuế cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% giá trị hợp đồng trước thuế.

- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở số tiền chậm trả, với lãi suất được tính bằng 100% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm trả thực tế.

Điều 13: BẢO HÀNH

13.1 Giá trị bảo lãnh bảo hành:

Sau ngày nghiệm thu hàng hóa Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT tương ứng với thời gian bảo hành Hàng hóa do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Nếu trong thời gian bảo hành hàng hóa xảy ra tình trạng hư hỏng hoặc không phù hợp với qui định của hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục hoặc thay thế mới trong thời gian hợp lý (nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A).

13.2 Thời gian bảo hành:

Ba mươi bảy (37) ngày kể từ ngày ký biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa.

13.3 Phạm vi bảo hành:

- Phạm vi bảo hành: Toàn bộ hàng hóa do Bên B cung cấp.
- Nguyên tắc bảo hành: không bảo hành những trường hợp hư hỏng do Bên A bảo quản và sử dụng không đúng mục đích, hướng dẫn của Bên B.
- Thủ tục bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng để thay thế kịp thời. Các chi phí do khắc phục hư hỏng trong phạm vi bảo hành của Bên B sẽ được miễn phí.
- Địa điểm bảo hành: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Điều 14: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

14.1 Ngôn ngữ hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

14.2 Giải quyết tranh chấp:

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi.

Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.

- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

14.3 Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.